

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG  
Số: 953/2000/QĐ-TCBĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
*Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2000*

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN  
Ban hành Thẻ lệ dịch vụ viễn thông trên mạng điện thoại công cộng (PSTN).

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 11/3/1996 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Bưu điện;  
Căn cứ Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về Bưu chính và Viễn thông;  
Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Chính sách Bưu điện,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Thẻ lệ dịch vụ viễn thông trên mạng điện thoại công cộng (PSTN)".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ: Chính sách Bưu điện, Kinh tế kế hoạch, Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Bưu điện, Tổng giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn, Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THẺ LỆ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG  
TRÊN MẠNG ĐIỆN THOẠI CÔNG CỘNG (PSTN)  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 953/2000/QĐ-TCBĐ  
ngày 17/10/2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện)

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Thẻ lệ này quy định việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ viễn thông cơ bản trên mạng điện thoại công cộng (PSTN) bao gồm dịch vụ điện thoại, dịch vụ Fax, dịch vụ truyền số liệu trong băng thoại tiêu chuẩn (0,3 - 3,4 kHz) và các dịch vụ cộng thêm của các dịch vụ cơ bản nêu trên (sau đây gọi chung là dịch vụ viễn thông cố định).
2. Thẻ lệ này điều chỉnh mối quan hệ giữa bên cung cấp dịch vụ viễn thông cố định bao gồm doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp bán lại dịch vụ viễn thông (sau đây gọi chung là đơn vị cung cấp dịch vụ), đại lý dịch vụ viễn thông (sau đây gọi là đại lý dịch vụ) với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ viễn thông cố định (sau đây gọi chung là người sử dụng dịch vụ).
3. Quan hệ giữa các bên cung cấp dịch vụ viễn thông cố định với nhau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thẻ lệ này.

### Điều 2: Giải thích thuật ngữ

Trong Thẻ lệ này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. Mạng điện thoại công cộng là mạng điện thoại chuyển mạch công cộng cố định (PSTN) do các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông thiết lập để cung cấp dịch vụ viễn thông cố định trên cơ sở giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và cung cấp dịch vụ viễn thông do Tổng cục Bưu điện cấp.
2. Phạm vi (vùng cước) nội hạt hoặc đường dài là phạm vi địa lý xác định mà các cuộc gọi trong phạm vi đó được áp dụng mức cước liên lạc nội hạt hoặc đường dài thống nhất do Tổng cục Bưu điện quy định.
3. Hai phạm vi (vùng cước) nội hạt hoặc đường dài được gọi là liền kề nếu hai phạm vi (vùng cước) đó có chung địa giới.
4. Chủ thuê bao là người sử dụng dịch vụ tại địa chỉ đăng ký thông qua hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ký với đơn vị cung cấp dịch vụ.
5. Nhà thuê bao là một địa điểm có địa chỉ và phạm vi xác định mà chủ thuê bao được toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật và được chủ thuê bao chỉ

định đặt thiết bị đầu cuối thuê bao khi ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ với đơn vị cung cấp dịch vụ.

6. Cáp nội hạt là phần cáp từ giá đấu cáp (MDF) của tổng đài nội hạt đến hộp đầu cáp cuối cùng.

7. Hộp đầu cáp cuối cùng là hộp phân phối cáp, dùng để kết nối cáp nội hạt với đôi dây thuê bao.

8. Hộp đầu dây thuê bao là hộp để kết nối đôi dây thuê bao với ổ giắc cắm thiết bị đầu cuối thuê bao.

9. Ổ giắc cắm thiết bị đầu cuối thuê bao là ổ giắc cắm để đấu thiết bị đầu cuối thuê bao với đôi dây thuê bao .

10. Trạm thuê bao vô tuyến cố định (SS) bao gồm an ten, bộ nguồn và bộ thiết bị đầu cuối thuê bao vô tuyến cố định được lắp đặt tại nhà thuê bao. Trạm thuê bao vô tuyến cố định được kết nối với tổng đài nội hạt thông qua trạm vô tuyến gốc (BS) của đơn vị cung cấp dịch vụ.

11. Cáp, đường dây nội bộ là phần cáp, đường dây thuộc sở hữu của chủ thuê bao, do chủ thuê bao tự lắp đặt hoặc thuê các tổ chức, cá nhân khác lắp đặt trong phạm vi nhà thuê bao cho tới điểm kết cuối của mạng điện thoại công cộng.

**Điều 3: Quản lý nhà nước đối với việc cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông cố định**

1. Tổng cục Bưu điện là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông cố định trên phạm vi toàn quốc.

2. Các Cục Bưu điện khu vực là cơ quan thuộc Tổng cục Bưu điện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông cố định ở các địa phương do Cục quản lý.

**Điều 4: Thiết lập mạng, cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông cố định**

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông được phép thiết lập mạng điện thoại công cộng và cung cấp dịch vụ viễn thông cố định theo đúng các nội dung quy định trong giấy phép do Tổng cục Bưu điện cấp. Thủ tục cấp phép thiết lập mạng điện

thoại công cộng và cung cấp dịch vụ viễn thông cố định thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 04/1998/TT-TCBĐ ngày 29/09/1998 của Tổng cục Bưu điện.

2. Đại lý dịch vụ được quyền cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ viễn thông cố định theo đúng các quy định của Tổng cục Bưu điện và theo các nội dung quy định trong hợp đồng đại lý dịch vụ ký với đơn vị cung cấp dịch vụ. Điều kiện làm đại lý dịch vụ viễn thông cố định được quy định tại Thông tư số 06/2000/TT-TCBĐ ngày 29/09/2000 của Tổng cục Bưu điện.

3. Doanh nghiệp bán lại dịch vụ viễn thông được quyền mua trực tiếp các dịch vụ viễn thông cố định dưới hình thức mua lưu lượng hoặc thuê dung lượng thông qua hợp đồng mua, bán dịch vụ ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và bán lại dịch vụ mà mình mua cho người sử dụng dịch vụ theo đúng các nội dung quy định trong giấy phép bán lại dịch vụ do Tổng cục Bưu điện cấp. Thủ tục cấp phép bán lại dịch vụ viễn thông cố định thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 04/1998/TT-TCBĐ ngày 29/09/1998 của Tổng cục Bưu điện.

4. Người sử dụng dịch vụ có quyền sử dụng hợp pháp các dịch vụ viễn thông cố định được cung cấp, nhưng không được kinh doanh lại trái phép các dịch vụ viễn thông. Người sử dụng dịch vụ phải có trách nhiệm quản lý các thiết bị đầu cuối thuê bao và không được cho người khác sử dụng các thiết bị đầu cuối thuê bao, các phương tiện và dịch vụ được cung cấp sai với mục đích sử dụng đã được quy định trong hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ  
Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ, đại lý dịch vụ và người sử dụng dịch vụ được quy định cụ thể tại Thông tư số 04/1998/TT-TCBĐ ngày 29/09/1998 của Tổng cục Bưu điện.

## CHƯƠNG II

### DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CỐ ĐỊNH

Điều 6 : Dịch vụ cơ bản

1. Dịch vụ cơ bản được quy định trong Thể lệ này bao gồm dịch vụ điện thoại, dịch vụ Fax và dịch vụ truyền số liệu trong băng thoại tiêu chuẩn.

a) Dịch vụ điện thoại là dịch vụ dùng thiết bị điện thoại để truyền đưa các thông tin dưới dạng âm thanh hoặc âm thanh cùng hình ảnh (đối với điện thoại thấy hình - videophone) trong băng thoại tiêu chuẩn qua mạng điện thoại công cộng mà không làm thay đổi loại hình hoặc nội dung thông tin;

b) Dịch vụ Fax là dịch vụ dùng thiết bị Fax để truyền đưa các thông tin có sẵn dưới dạng văn bản, biểu mẫu, bút tích, thư từ, sơ đồ, hình ảnh, bản vẽ (gọi chung là bức Fax) trong băng thoại tiêu chuẩn qua mạng điện thoại công cộng mà không làm thay đổi loại hình hoặc nội dung thông tin;

c) Dịch vụ truyền số liệu trong băng thoại tiêu chuẩn (sau đây gọi là dịch vụ truyền số liệu) là dịch vụ dùng modem quay số tốc độ thấp (tốc độ  $<64$  Kb/s) để truyền đưa các thông tin dưới dạng số liệu trong băng thoại tiêu chuẩn qua mạng điện thoại công cộng mà không làm thay đổi loại hình hoặc nội dung thông tin.

2. Theo địa điểm cung cấp dịch vụ, dịch vụ cơ bản được quy định trong Thẻ lệ này bao gồm dịch vụ tại nhà thuê bao và dịch vụ tại điểm công cộng.

a) Dịch vụ tại nhà thuê bao là dịch vụ được cung cấp đến tận địa chỉ đăng ký của từng chủ thuê bao trên cơ sở các thiết bị đầu cuối thuê bao được lắp đặt tại nhà thuê bao và được đấu nối vào mạng điện thoại công cộng thông qua hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ được ký giữa chủ thuê bao và đơn vị cung cấp dịch vụ. Dịch vụ tại nhà thuê bao bao gồm:

- Dịch vụ điện thoại thuê bao;
- Dịch vụ Fax thuê bao (Telefax);
- Dịch vụ truyền số liệu thuê bao.

b) Dịch vụ tại điểm công cộng là dịch vụ được cung cấp cho người sử dụng dịch vụ trên cơ sở các thiết bị đầu cuối do đơn vị cung cấp dịch vụ lắp đặt tại các điểm công cộng. Dịch vụ tại điểm công cộng bao gồm:

- Dịch vụ có người phục vụ: điện thoại công cộng, Fax công cộng (Bureaufax), truyền số liệu công cộng (truyền file);
- Dịch vụ không có người phục vụ: điện thoại, Fax và truyền số liệu thanh toán tự động bằng thẻ.